

Số: 39/2025/QĐST- DS

Đồng Hới, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 86/2025/TLST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1957 và ông Nguyễn Văn Sơn, sinh năm: 1962; cùng nơi cư trú: Thôn Nam Đức, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị B, sinh năm: 1931; cư trú: Thôn Nam Đức, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1968; cư trú: Tổ dân phố 2, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1972; cư trú: Thôn Đông Đức, xã Đức Trạch, tỉnh Quảng Trị.

3. Ông Nguyễn T, sinh năm: 1974; cư trú: Thôn Nam Đức, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 105 đường Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

5. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực V, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Tiểu khu 3, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị.

6. Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 07 đường Quang Trung, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

7. Chị Trương Thị Hà, sinh năm 1992, cư trú: Thôn Nam Đức, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự gồm: Bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn Sơn, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Trung, bà Nguyễn Thị Chung cùng thống nhất thỏa thuận:

2.1. Ông Nguyễn Văn Sơn, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Chung đã cùng nhau góp tiền để xây dựng, sửa chữa nhà ở và các tài sản khác gắn liền với thửa đất số 449, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn Nam Đức, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Trung.

2.2. Do ông Nguyễn Trung không có điều kiện để trả lại tiền mà các ông, bà nêu trên đã đóng góp để xây dựng, sửa chữa nhà nên ông Nguyễn Văn Sơn, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Chung và ông Nguyễn Trung đều thống nhất thỏa thuận giao cho ông Nguyễn Văn Sơn, sinh ngày 16/4/1962, CCCD: 044062001430 được quyền sử dụng và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 449, tờ bản đồ số 11, diện tích theo Giấy chứng nhận đã cấp: 287,8 m²; diện tích theo hiện trạng sử dụng đất: 267,3 m²; địa chỉ: Thôn Nam Đức, xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với thửa đất số 449, tờ bản đồ số 11 có đặc điểm: 01 (một) ngôi nhà cấp 4, diện tích 96m², mái một phần lợp tôn, một phần đổ bê tông cốt thép, tường xây ốp gạch ceramic; 01 (một) nhà bếp, diện tích 19,8 m², mái lợp tôn, tường xây gạch, tô trát hoàn chỉnh; 01 mái hiên lợp tôn, khung sắt; cổng trụ đổ bê tông, ốp đá; cửa bằng sắt hộp; hàng rào xây gạch, tô trát hoàn chỉnh.

Toàn bộ tài sản trên thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 475711, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 07/9/2018, mang tên bà Phan Thị B; đăng ký biến động ngày 26/12/2024 “Tặng cho ông Nguyễn Trung, CCCD số: 044074014491. Địa chỉ: xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo hồ sơ số 017549.TA001”.

Ông Nguyễn Văn Sơn có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Tòa án giao theo Quyết định này và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản thì bên được thi hành án có quyền

yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đã cấp theo quy định của pháp luật.

2.3. Đối với phần tài sản (mái be) có diện tích 2,6m² mà ông Nguyễn Trung đã xây chõng qua phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Trương Thị Hà, các đương sự tự thỏa thuận tự tháo dỡ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên án phí là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Sơn, ông Nguyễn Hữu T; bị đơn bà Phan Thị B mỗi bên chịu 50% án phí nhưng họ đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Các đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Văn Sơn chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*), ông Nguyễn Trung chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*). Số tiền này ông Nguyễn Văn Sơn và ông Nguyễn Trung đã nộp tạm ứng và chi đủ, xác định các đương sự trên đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo quyết định là sơ đồ hiện trạng sử dụng đất)

Nơi nhận:

- TAND, VKSND, THQDS tỉnh Q.Trị;
- VKSND Khu vực 1- QT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mỹ Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN
QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 09 tháng 6 năm 2022

Tại Trụ sở TAND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Người giao: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh: Thẩm phán TAND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Người nhận: Công ty cổ phần Công nghiệp Đồng Tâm Quảng Bình, địa chỉ: Khu công nghiệp Tây Bắc, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sỹ Lâm, sinh năm 1984, chức vụ: Giám đốc Công ty

Là bị đơn trong vụ án dân sự thụ lý số 133/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Hai bên đã tiến hành giao nhận Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số /2022/QĐST-DS ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Biên bản kết thúc vào lúc 09 giờ 35 phút cùng ngày.

NGƯỜI GIAO

NGƯỜI NHẬN

Mai Thị Mỹ Hạnh

Đồng Hới, ngày 17 tháng 01 năm 2022

**BIÊN BẢN
GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN
VÀ HÒA GIẢI THÀNH**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 17 tháng 01 năm 2022;

Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng thuận tình ly hôn.

2. *Về quan hệ con chung:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung, gồm: cháu Trần Văn Gia Hưng, sinh ngày 27/6/2017 và cháu Trần Ngọc An Chi, sinh ngày 27/4/2020. Sau khi ly hôn, anh Thành và chị Hằng thỏa thuận giao cháu Hưng và cháu Chi cho chị Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Thành có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi cháu Trần Văn Gia Hưng đủ 18 tuổi.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ anh Thành phải chịu 150.000 đồng. Hai bên thỏa thuận anh Thành nộp thay số tiền án phí trên cho chị Hằng.

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

CÁC ĐƯƠNG SỰ THƯ KÝ TÒA ÁN THẨM PHÁN CHỦ TRÌ
THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI GHI BIÊN BẢN HÒA GIẢI PHIÊN HÒA GIẢI

Lê Thị Tuyết Nga Mai Thị Mỹ Hạnh